



Nội dung trình bày

- Bẫy thu nhập trung bình
- Chính sách công nghiệp tiên phong
- Danh mục chính sách chung nhằm tăng cường năng lực công nghiệp
- "Mô hình Kinh tế mới" của Malaysia
- Khuyến nghị đối với Việt Nam

Bẫy thu nhập trung bình là gì?

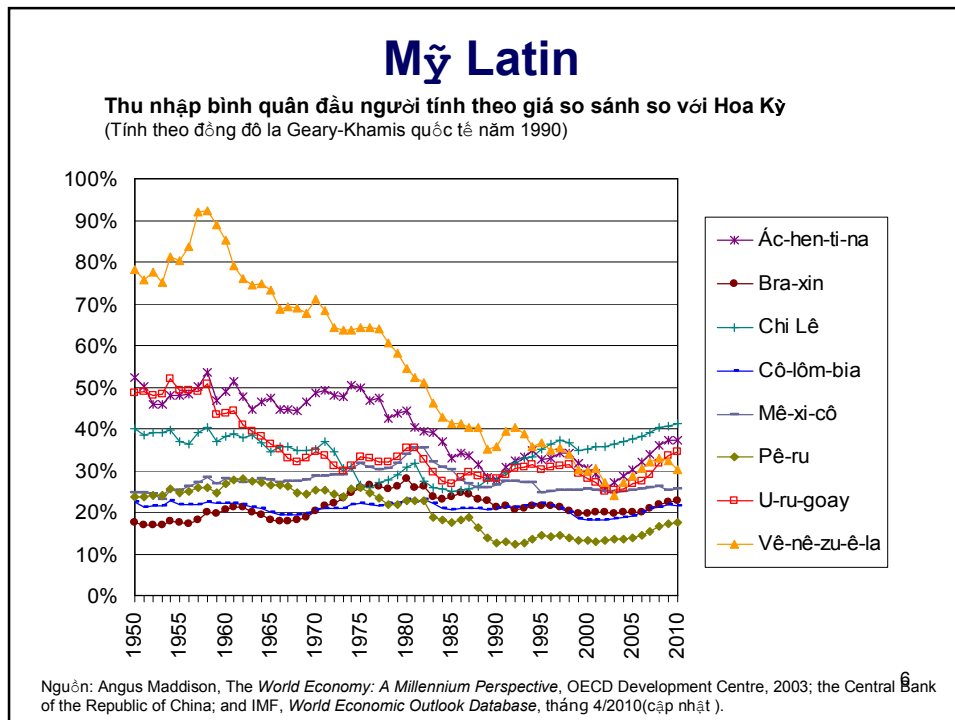
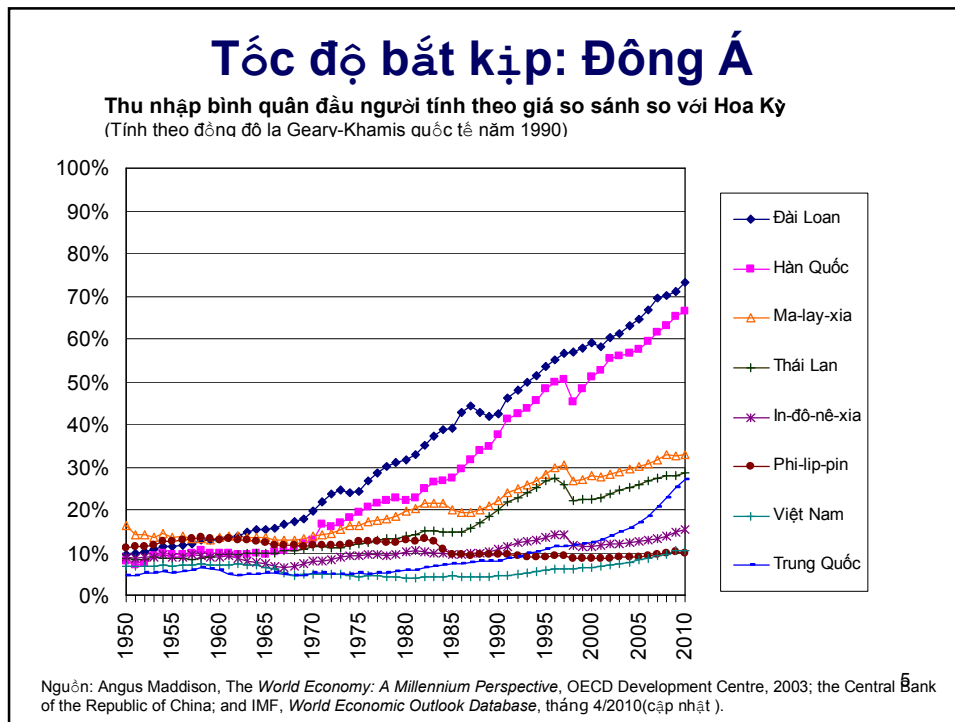
- Bẫy phát triển xảy ra khi một nước bị mắc kẹt tại mức thu nhập đạt được nhờ có nguồn tài nguyên và một số lợi thế nhất định mà không thể tiến lên mức cao hơn (chỉ nhờ may mắn mà không có cố gắng)
- Bẫy thu nhập xảy ra tại mức thu nhập nào phụ thuộc vào nguồn tài nguyên và lợi thế sẵn có của nước đó
 - ↳ Nếu có ít → Bẫy đói nghèo
 - ↳ Nếu có vừa → Bẫy thu nhập trung bình
 - ↳ Nếu có nhiều → Thu nhập cao

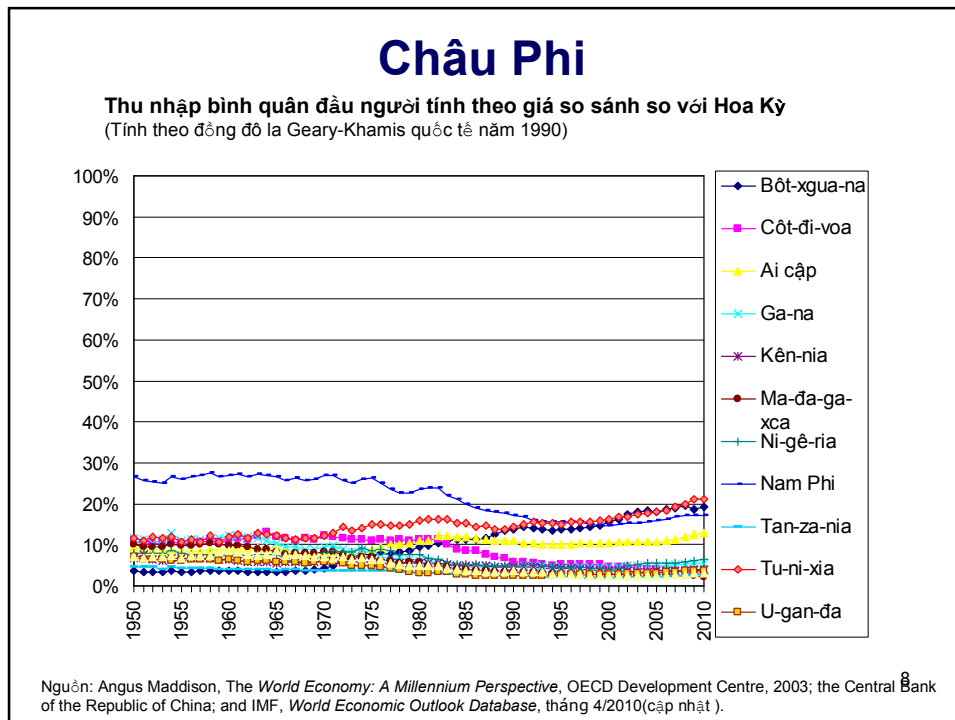
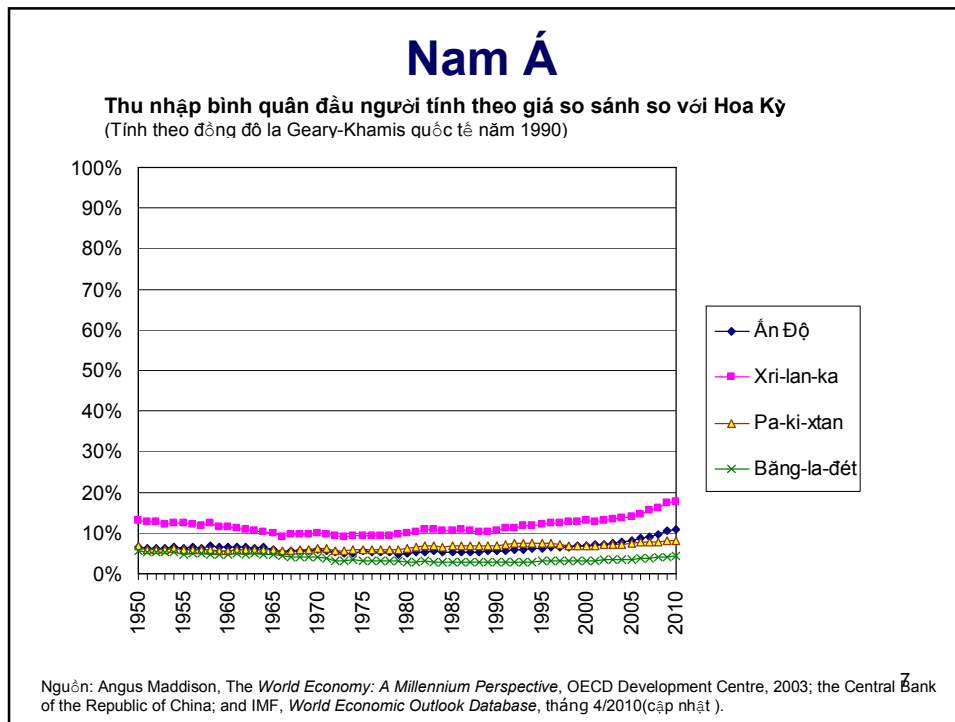
3

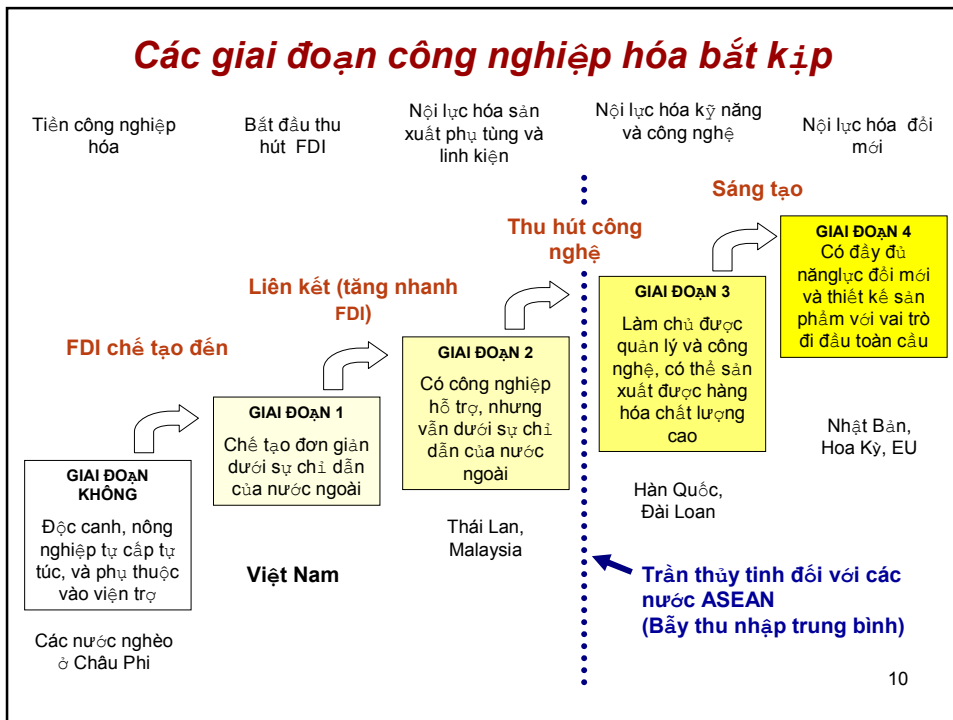
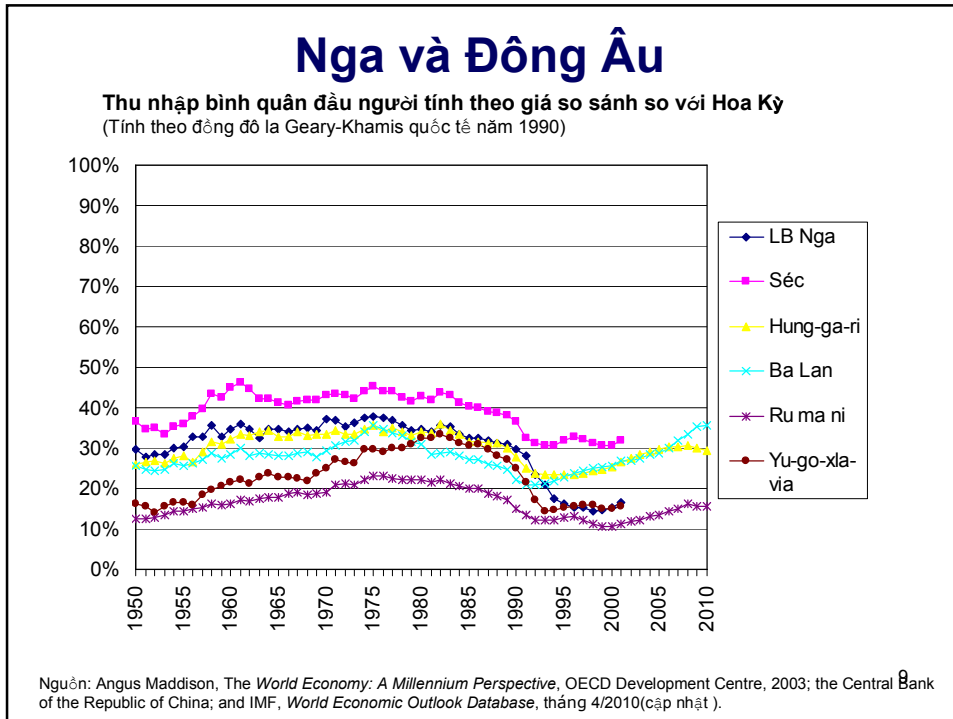
Bẫy thu nhập trung bình (tiếp)

- Các nước có thể đạt được mức thu nhập trung bình nhờ tự do hóa và hội nhập, nhưng để đạt được mức thu nhập cao hơn cần phải có nỗ lực chính sách mạnh mẽ hơn nhằm khuyến khích tính năng động của khu vực tư nhân.
- Tăng trưởng không thể dựa mãi vào FDI, các dự án lớn, nguồn tài nguyên thiên nhiên, hoặc lợi thế địa lý. Nguồn lực thực sự của phát triển chính là giá trị do con người tạo ra (tri thức, kỹ năng, công nghệ).
- Chính sách và thể chế phải khuyến khích tích lũy vốn con người. Những chính sách như vậy vẫn có thể thực hiện được trong bối cảnh toàn cầu hóa. Nhưng chúng không giống với những chính sách đã có trước đây. Có thể gọi đó là "chính sách công nghiệp tiên phong."

4

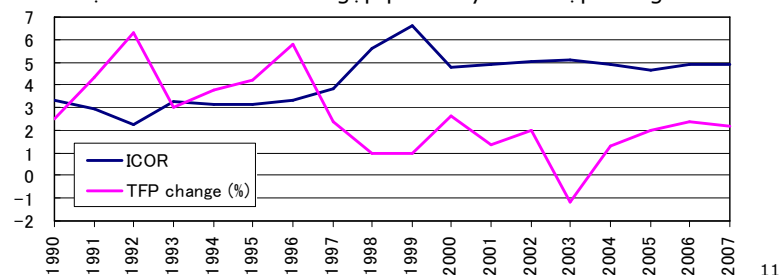






Thách thức đối với Việt Nam

- Nhờ Đổi Mới và luồng FDI và ODA lớn đổ vào, Việt Nam đã đạt mức thu nhập trung bình thấp (GDP bình quân đầu người đạt 1.200\$ năm 2010). Nhưng Việt Nam vẫn chưa xây dựng được các chính sách nhằm cải thiện vốn con người.
- Việt Nam chỉ thực hiện những công đoạn lắp ráp đơn giản với lao động không có kỹ năng. FDI sẽ rút khỏi Việt Nam và phi công nghiệp hóa sẽ xảy ra khi mức lương tăng và hội nhập ngày càng sâu rộng. Không tạo ra được giá trị trong nước, Việt Nam chắc chắn sẽ gặp phải bẫy thu nhập trung bình.



11

Chính sách công nghiệp tiên phong: Bảy đặc điểm cần có

1. Cam kết mạnh mẽ hội nhập toàn cầu và tăng trưởng do khu vực tư nhân dẫn dắt
2. Chính phủ mạnh và khôn khéo định hướng cho khu vực tư nhân
3. Duy trì các công cụ chính sách vừa đủ cho các nước công nghiệp hóa đi sau
4. Không ngừng học hỏi chính sách thông qua các dự án và chương trình cụ thể
5. Nội lực hóa các kỹ năng và công nghệ như là một mục tiêu quốc gia
6. Đối tác công tư hiệu quả
7. Cả chính phủ và doanh nghiệp đều thu thập và có đầy đủ thông tin về công nghiệp

12

Chính sách công nghiệp tiên phong (tiếp)

- Ngày nay thúc đẩy ngành công nghiệp non trẻ nhờ thuế và hỗ trợ xuất khẩu không còn được phép sử dụng
- PIP tạo ra sự cân bằng giữa nhà nước và thị trường, và phù hợp với toàn cầu hóa. Nhưng cần có sự học hỏi về chính sách.
- PIP đã được thực hiện rộng rãi, đặc biệt ở các nước Đông Á. Cần phân tích có hệ thống các biện pháp PIP cụ thể.
- Có một danh mục chính sách chuẩn nhằm tăng cường năng lực công nghiệp. Nhưng cần phải điều chỉnh và lựa chọn cho phù hợp với đặc điểm riêng của từng nước.

13

Danh mục chính sách chung nhằm nâng cao năng lực công nghiệp

Khung

Nội dung chính sách & tổ chức chính sách

Tầm nhìn-Kế hoạch-Hành động Các Bộ & ban ngành

Phần mềm

Nâng cao nguồn nhân lực công nghiệp và năng lực doanh nghiệp

Khung chính sách Tài chính
Vốn con người FDI/Chính sách cụm ngành
Hỗ trợ doanh nghiệp Kết nối kinh doanh

Đổi mới

Phần cứng

Cơ sở hạ tầng (điện & giao thông/hậu cần)

**Ứng dụng
(cứng+mềm)**

Phát triển vùng toàn diện

14

Nâng cao chất lượng nhân lực công nghiệp và năng lực doanh nghiệp: Danh mục chuẩn

Mục tiêu chính	Tiểu mục
(1) Khung pháp lý và chính sách	Luật và các quy định
	Các Bộ và các cơ quan chuyên trách về xúc tiến SMEs, FDI, SI, v.v. có đủ năng lực và quyền hạn
	Danh mục các lĩnh vực và hoạt động ưu tiên dựa trên các kết quả nghiên cứu đầy đủ
	Cơ chế phối hợp giữa các bộ
	Đối tác công tư hiệu quả (PPP)
	Cơ chế liên kết doanh nghiệp-chính phủ-học giả
	Tầm nhìn và nhiệm vụ (mục tiêu dài hạn)
	Quy hoạch tổng thể (chiến lược, lộ trình trung hạn)
	Kế hoạch hành động (ngân sách, nhân sự, tiêu chí, thời hạn, cơ quan chuyên trách)
	Tiêu chuẩn chất lượng, kỹ năng, môi trường, v.v....
	Cơ chế bảo hộ và sử dụng quyền sở hữu trí tuệ
	Nâng cao năng lực thống kê công nghiệp
	Huy động có tính chiến lược hợp tác quốc tế
	(2) Xây dựng năng lực trong nước (nguồn nhân lực công nghiệp và doanh nghiệp trong nước)
Các khóa đào tạo ngắn hạn dành cho chủ doanh nghiệp	
Các khóa đào tạo ngắn hạn về các kỹ năng cơ bản dành cho kỹ sư	
Đào tạo kỹ thuật và dạy nghề cho công nhân mới và công nhân đang làm việc	
Hệ thống cấp chứng chỉ kỹ năng, thi tay nghề và giải thưởng	
Trợ cấp và ưu đãi cho các hoạt động mục tiêu	
Dịch vụ tư vấn quản lý hoặc kỹ thuật (nhà tư vấn đến thăm doanh nghiệp, ngắn hạn)	
Hệ thống chẩn đoán và tư vấn doanh nghiệp (hệ thống shindan hoặc dịch vụ nâng cấp và mở rộng công nghệ) - cũng liên quan đến tài chính SME	
Mạng lưới doanh nghiệp trong nước	

15

(Tiếp)

(3) Tài chính	Tổ chức tài chính phát triển
	Vốn vay ngân hàng thương mại dành cho các doanh nghiệp mục tiêu có hỗ trợ lãi suất và/hoặc kỳ hạn thanh toán dài
	Cho thuê vận hành
	Hệ thống bảo lãnh tín dụng
	Vốn mạo hiểm
	Hệ thống thông tin tín dụng doanh nghiệp
	Hệ thống chẩn đoán và tư vấn doanh nghiệp (giống ở mục (2))
	Hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp
(4) Marketing FDI	Danh mục ưu tiên và ưu đãi đầu tư
	Hội thảo và đoàn công tác về đầu tư
	Gói thông tin và trang web chất lượng cao dành cho các nhà đầu tư
	Lập các văn phòng xúc tiến đầu tư ở nước ngoài
	Dịch vụ một cửa và hỗ trợ doanh nghiệp (trước và sau)
	Môi trường kinh doanh hấp dẫn thông qua nâng cấp chất lượng dịch vụ cơ sở hạ tầng (năng lượng, giao thông, nước, v.v....)
	Quản lý môi trường và các phương tiện quản lý (bao gồm xử lý nước thải)
	Đồn điền công nghiệp với dịch vụ cơ sở hạ tầng và hành chính hoàn thiện (bao gồm các khu công nghiệp chuyên biệt, khu công nghiệp dành cho CNHT, v.v....)
	Hỗ trợ lao động (đào tạo, tuyển dụng và giới thiệu việc làm, nhà ở/khu nhà tập thể, phương tiện giao thông, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, v.v....)
	Hoạch định chiến lược marketing FDI ưu tiên và mục tiêu
	Đàm phán với các doanh nghiệp mục tiêu (doanh nghiệp mỏ neo) và cung cấp các điều kiện cần thiết
(5) Kết nối (học hỏi qua quá trình làm việc với các doanh nghiệp toàn cầu; phát triển thị trường)	Hội chợ thương mại và hội chợ ngược
	Cơ sở dữ liệu về SME/SI/ngành công nghiệp
	Trung gian chính thức và phát triển thầu phụ
	Ưu đãi/trợ cấp cho thu mua trong nước và kết nối kinh doanh
	Hỗ trợ phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu
Thành lập và nâng cao vai trò của các hiệp hội ngành nghề	

16

Thái Lan: Quy hoạch Công nghiệp hỗ trợ 1995

Chương trình đề xuất	Kết quả
1. Chính sách & pháp lý 1.1. Luật cơ bản về phát triển SME 1.2. Luật về xúc tiến đầu tư 1.3. Tái cơ cấu DIP nhằm thúc đẩy CNHT & SME phát triển 1.4. Chuẩn bị cho thông kế công nghiệp (CSDL CNHT)	1. 1.1. Luật phát triển SME 2000 1.2. (không có hành động) 1.3. Thành lập DSIP & OSMEP 1.4. n.a.
2. Phát triển thị trường (kết nối doanh nghiệp) 2.1. Mở rộng hoạt động của BUILD 2.2. Chương trình hỗ trợ đầu tư	2. 2.1. BUILD (1993-1997) 2.2. NSDP (1994)
3. Nâng cao trình độ công nghệ 3.1. Chương trình dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật (shindanshi) 3.2. Mở rộng hệ thống tiêu chuẩn kỹ năng nghề 3.3. Chương trình khởi động các trung tâm kỹ thuật công nghệ 3.4. Đào tạo liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp	3. 3.1. (không có hành động) 3.2. (không có hành động) 3.3. TAI, TGI, etc. 3.4. TNI, TGI, etc.
4. Hỗ trợ tài chính 4.1. Cải thiện cơ chế tài chính cho SME 4.2. Hỗ trợ doanh nghiệp thuê thiết bị	4. 4.1. Ngân hàng SME, mạng lưới cho vay 4.2. Bảo lãnh tín dụng, quỹ thiết bị
5. Nâng cao trình độ quản lý 5.1. Chương trình tái đào tạo doanh nghiệp 5.2. Tiếp tục dự án phát triển doanh nghiệp công nghệ	5. 5.1. TNI, TGI, etc. 5.2. n.a.
6. Xúc tiến đầu tư 6.1. Chương trình thu hút nhà đầu tư theo nhóm 6.2. Chương trình ươm mầm doanh nghiệp 6.3. Hỗ trợ doanh nghiệp mới	6. 6.1. Trang trại công nghiệp Amata 6.2. OSMEP 6.3. OSMEP


17

Kế hoạch hành động về công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam do Nhật Bản đề xuất (tháng 6, 2009)

- Hành động của Việt Nam và hỗ trợ của Nhật Bản đồng thời được xác định cụ thể
- Ngắn hạn (giữa 2010), trung hạn (cuối 2011), dài hạn (2015)

Khung chính sách	Định nghĩa về CNHT, hệ thống giải thưởng, cơ chế phối hợp giữa các bộ, luật SME, v.v.
Nguồn nhân lực	Các dự án TVET thí điểm dành cho kỹ sư và nhà quản lý, hệ thống cấp chứng chỉ kỹ năng, trường đại học monozukuri, v.v.
Tài chính	Vốn vay lãi suất thấp, trợ cấp, miễn thuế, hệ thống chẩn đoán doanh nghiệp, v.v.
Marketing FDI	Hội thảo về đầu tư, khu công nghiệp dành cho CNHT, kết nối giữa doanh nghiệp trong nước và FDI, v.v.
Kết nối kinh doanh	CSDL CNHT, hội chợ thương mại, hiệp hội công nghiệp, v.v.

18



PM Najib Tun Razak

“Mô hình Kinh tế mới” của Malaysia

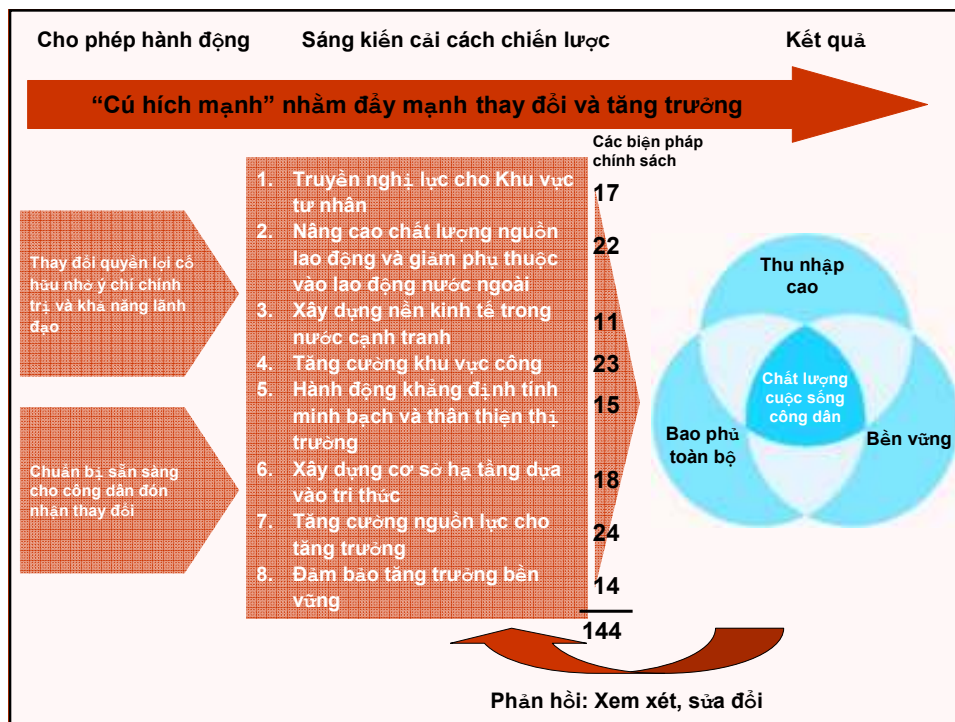
(Công bố tháng 3/2010)

- “Chúng ta bị mắc vào bẫy thu nhập trung bình; chúng ta không nằm trong số những nền kinh tế đứng đầu toàn cầu.” (tr. 3-4)
- Tầm nhìn của Malaysia đến năm 2020—(i) thị trường dẫn dắt, (ii) cầm quyền tốt, (iii) hội nhập khu vực, (iv) doanh nhân, (v) đổi mới
- Ba mục tiêu
 - Thu nhập cao (15.000-20.000USD)
 - Bao phủ toàn bộ (mọi người đều có lợi)
 - Bền vững (tài chính, môi trường)

Cách tiếp cận mới và cũ của Malaysia

Cách tiếp cận cũ	Cách tiếp cận mới
Tăng trưởng chủ yếu nhờ tích lũy vốn	Tăng trưởng nhờ năng suất
Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế	Tăng trưởng do khu vực tư nhân dẫn dắt
Lập kế hoạch chiến lược tập trung	Trao địa phương quyền tự chủ trong việc ra quyết định
Tăng trưởng cân đối giữa các vùng	Hoạt động kinh tế dựa trên các cụm và hành lang kinh tế
Ưu đãi một số ngành công nghiệp và doanh nghiệp cụ thể	Ưu đãi các ngành công nghiệp và doanh nghiệp có năng lực công nghệ
Xuất khẩu phụ thuộc vào thị trường Mỹ, châu Âu và Nhật Bản	Hướng đến châu Á và Trung Đông
Hạn chế lao động nước ngoài có kỹ năng	Giữ chân và thu hút chuyên gia có kỹ năng

Nguồn: NEAC, “Mô hình Kinh tế mới”, tr.15



Điểm mạnh và điểm yếu trong cách tiếp cận của Malaysia

- Lãnh đạo (TTg), nhóm tham mưu (EPU và các cơ quan khác), và công chức tài giỏi
- Tầm nhìn, mục tiêu, và định hướng chính sách rõ ràng

NHƯNG

- Vấn đề và biện pháp chính sách quá nhiều và quá rộng - cần có tính lựa chọn do nguồn nhân lực và tài chính có hạn
- Đối với Malaysia, vấn đề cốt lõi là thiếu sự phản hồi của khu vực tư nhân đối với các chính sách tốt. Cải thiện chính sách hơn nữa cũng không giải quyết được vấn đề.

Đề xuất hành động cho Việt Nam

1. Thu thập và nghiên cứu kinh nghiệm cụ thể của quốc tế trong việc tăng cường năng lực công nghiệp
2. Xác định một số vấn đề (ít hơn 10) cần ưu tiên cho *Công nghiệp hóa và Hiện đại hóa đến năm 2020*
3. Tạo cơ chế riêng cho từng vấn đề ưu tiên
4. Để cho các cơ chế đó tự thiết kế và thực hiện các hành động chính sách
5. Lãnh đạo cấp cao rà soát, kiểm tra tiến độ thực hiện

23

(1) Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế

Ví dụ, Việt Nam cần nghiên cứu:

1. Giáo dục và đào tạo kỹ thuật tại TPA, Viện Công nghệ Thái-Nhật, ĐH Quốc vương Mongkut, Viện Thái-Đức (Thái Lan), Nanyang Polytechnic (Singapore)
2. Chính sách về chất lượng và năng suất của SPRING (Singapore) và MPC (Malaysia)
3. Ủy ban Phát triển SME Quốc gia của Malaysia
4. Viện Ô tô và Hiệp hội Công nghiệp Ô tô của Thái Lan
5. Chính sách FDI và kết nối kinh doanh của Malaysia và Thái Lan
6. Xúc tiến công nghiệp khuôn mẫu của Indonesia
7. Hệ thống chẩn đoán và tư vấn doanh nghiệp (*shindan*) của Nhật Bản

24

(2) Lựa chọn những vấn đề ưu tiên

Những vấn đề ưu tiên có thể bao gồm:

1. Thúc đẩy đào tạo kỹ thuật với một lộ trình và các mục tiêu con số cụ thể
2. Sửa đổi chính sách SME
3. Đẩy mạnh công nghiệp hỗ trợ
4. Hiệu quả giao thông và hậu cần
5. Xuất khẩu hàng nông hải sản với chất lượng và độ an toàn đạt tiêu chuẩn quốc tế
6. Phát triển vùng toàn diện dựa vào các cụm công nghiệp

(Ghi chú: thúc đẩy công nghệ cao hay chuỗi giá trị toàn cầu có thể quá mơ hồ đối với Việt Nam)

25

(3) Tạo ra các cơ chế riêng

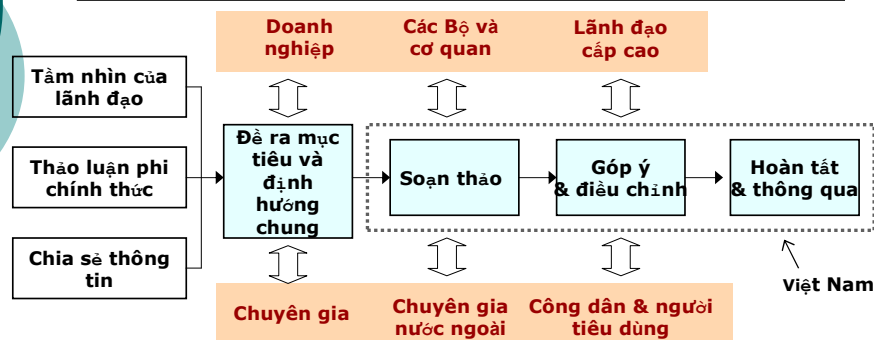
Có nhiều cách để tạo cơ chế riêng:

- Nhóm tham mưu thường trực do TTg trực tiếp chỉ đạo lập các chính sách quan trọng
- Ủy ban quốc gia họp hàng tháng do TTg đứng đầu (2 hoặc 3 ủy ban)
- Ủy ban do TTg đứng đầu và được hỗ trợ bởi các tổ công tác
- "Viện" hay "trung tâm" chuyên trách là cơ quan trung tâm lập chính sách

(Ghi chú: việc soạn thảo các kế hoạch tổng thể trong phạm vi từng Bộ như cách làm hiện giờ của Việt Nam có ít thẩm quyền và không thể đảm bảo tính khả thi)

26

(4) Soạn thảo Hành động chính sách cụ thể



Đảm bảo:

- Sự tham gia của tất cả các bên liên quan (đặc biệt là khối doanh nghiệp)
- Phối hợp giữa các Bộ
- Quyền hạn, tài chính, nhân lực, và khung pháp lý đầy đủ

27

(5) Lãnh đạo cấp cao giám sát

- Lãnh đạo cấp cao phải tự cam kết với chính mình ưu tiên các chính sách và sử dụng quyền hạn của mình để thúc đẩy và công bố chính sách
- Tiến độ thực hiện phải được báo cáo định kỳ lên lãnh đạo cấp cao (hàng tháng hoặc hàng quý phải tiến hành các cuộc họp chính thức)
- Khi có vấn đề xảy ra, lãnh đạo cấp cao phải chỉ định bộ trưởng có liên quan hành động ngay lập tức và báo cáo kết quả thực hiện

28